

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**Tập 97****Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không****Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa****Giáo dục: Huệ Trang và Đức Phong**

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm mười hai, dòng cuối cùng, xin xem từ chỗ đó.

“*Quang Anh, biểu quang minh anh phát. Hựu kinh trung Vô Lượng Quang, Vô Biên Quang, Vô Ngại Quang đấng, quang trung cực tôn, thị Quang Anh nghĩa*” (Quang Anh biểu thị quang minh chiếu rọi. Lại nữa, các câu “Vô Lượng Quang, Vô Biên Quang, Vô Ngại Quang v.v... tôn quý nhất trong các quang minh” trong kinh là ý nghĩa của chữ Quang Anh). Trong mười sáu vị tại gia Bồ Tát, Quang Anh là vị thứ sáu. Vị Bồ Tát thứ sáu là Quang Anh biểu thị quang minh chiếu rọi. Trong kinh này, xưng tán A Di Đà Phật là “*Vô Lượng Quang, Vô Biên Quang, Vô Ngại Quang*”, cuối cùng nói “*quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*” (quang minh tôn quý nhất, là vua trong các vị Phật), đây là lời chư Phật Như Lai tán thán A Di Đà Phật, tán thán đến tột bậc. Quang cũng tượng trưng cho trí huệ, biểu thị Tánh Đức trong tự tánh của chúng ta.

Vị kế tiếp là “*Bảo Tràng (kiến Đường dịch, Ngụy dịch tác Trí Tràng), biểu trí huệ thù thắng do như bảo tràng*” (Bảo Tràng (danh xưng này thấy trong bản Đường dịch, bản Ngụy dịch ghi là Trí Tràng), biểu thị trí huệ thù thắng giống như tràng báu), quá nửa đều là tán thán trí huệ Bát Nhã vốn có trong tự tánh, mà cũng là tán thán đức năng và tướng hảo. Tánh Đức vô lượng, vô biên, khi đức Phật giới thiệu [các Tánh Đức] bèn quy nạp chúng thành ba loại lớn. Vô lượng đức năng nói chung chẳng ngoài trí huệ và đức tướng (đức năng và tướng hảo).

“*Trí Thượng, kiến Đường dịch, Ngụy dịch*” (Danh xưng Trí Thượng thấy ghi trong bản Đường dịch, [nhưng trong] bản Ngụy dịch), danh hiệu Bồ Tát được dịch là Huệ Thượng, biểu thị “*vô đấng, vô luân, tối thượng thắng trí, oai đức quảng đại bất tư nghị trí*” (trí không gì sánh bằng, trí thù thắng tối thượng, trí oai đức rộng lớn chẳng thể nghĩ bàn), đây là lời tán thán năm thứ trí huệ của Vô Lượng Thọ Phật trong kinh. Nói tóm lại, “*như thị vô thượng diệu trí, siêu xuất nhất thiết, cố danh Trí Thượng*” (diệu trí vô thượng vượt trội hết thảy như thế, nên gọi là Trí Thượng). Trong năm thứ trí, trí cuối cùng là “*oai đức quảng đại bất tư nghị trí*”, tán thán đến tột bậc. Qua những lời tán thán A Di Đà Phật trong kinh, chúng ta bèn hiểu [những câu tán thán ấy chính là] tán thán Tánh Đức trong tự tánh. Mỗi chữ, mỗi câu trong bộ kinh Vô Lượng Thọ hoặc Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh đều nhằm tán thán Tánh Đức chẳng thể nghĩ bàn, có thể tán thán trọn hết hay không? Tán thán chẳng cùng tận, đây là lời thật! Dầu cho mười phương hết thảy chư Phật Như Lai dùng thời gian vô lượng kiếp cùng nhau tán thán vẫn chẳng thể nói trọn hết; bởi lẽ, công đức trong tự tánh thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Trong kinh, đức Phật thường dạy chúng ta, chuyện này chỉ có chứng mới biết, chúng ta thật sự chứng đắc sẽ hiểu. Chưa chứng đắc, không có cách nào tưởng tượng, nghĩ chẳng ra, mà cũng chẳng nói được! Nói thật ra,

người chúng đắc cũng chẳng có cách nào nghĩ bàn. Giúp đỡ hết thảy chúng sanh là hoàng pháp lợi sanh, để giúp hết thảy chúng sanh thì cũng có thể nói chút phần, hy vọng là từ chút phần ấy, người đó sẽ tự có thể tu, có thể chứng, khi chúng đắc sẽ hiệu viên mãn.

Vị tiếp theo là Tịch Căn, sách Hội Sớ giải thích: “*Tịch diệt cảnh trí, chư căn thanh tịnh, cố danh Tịch Căn*” (cảnh trí tịch diệt, các căn thanh tịnh, nên gọi là Tịch Căn). Tịch là nói tới Định, tự tánh vốn định. Lục Tổ Huệ Năng đại sư khi kiến tánh đã nói: “*Nào ngờ tự tánh, vốn chẳng lay động*”, câu này là nói tự tánh vốn định, có lay động hay không? Chẳng có! Lay động thì chẳng phải là tự tánh. “*Một niệm bất giác bèn có vô minh*”, đã bị lay động rồi! Vì sao có một niệm bất giác? Một niệm bất giác ấy phát sanh khi nào? Trong giáo pháp Đại Thừa, câu hỏi này được gọi là “*căn bản đại vấn*” (câu hỏi to lớn căn bản). Đức Phật dạy chúng ta: Chuyện này chẳng có nguyên nhân, mà cũng chẳng có thời gian, và cũng chẳng có không gian. Nếu quý vị hỏi khi nào thì có, đức Phật [trả lời bằng cách] dùng một danh từ hết sức xảo diệu, “*hễ hơi động một chút bèn là vô minh*”, đức Phật gọi hiện tượng ấy là “*vô thi vô minh*”, hai chữ Vô Thi hay khéo đến tột bậc! Khi chúng tôi mới học Phật, ngỡ đức Phật nói hai chữ ấy thì đại khái [có nghĩa là] thời gian đã quá lâu chẳng thể nói được, dù chúng ta nói ngàn vạn năm, ức vạn năm, ức triệu vạn năm, nói chung là vẫn chẳng thể diễn tả được, nên mới nói là “*vô thi*”. Chúng tôi đã hiểu sai ý nghĩa, “*vô thi*” chẳng mang ý nghĩa ấy. Dầu thời gian dài đến mấy đi nữa, đức Phật vẫn có thể nói được; nếu nói không được, làm sao có thể gọi Phật là Nhất Thiết Trí? Vô thi có ý nghĩa rất đơn giản: Không có khởi đầu nên gọi là vô thi, khéo quá, tuyệt khéo! Có sao không có khởi đầu? Rõ ràng là có khởi đầu! Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, lục đạo luân hồi do đâu mà có? Chẳng phải là từ vô thi biến hiện ư? Tuy biến hiện, vì nó chẳng phải là thật, nên giống như chúng ta nằm mộng, mỗi cá nhân chúng ta đều có kinh nghiệm nằm mộng, trong mộng có vô lượng vô biên cảnh giới. Quý vị thường nằm mộng, có hai giấc mộng giống hệt nhau hay không? Không có, chưa từng có hai giấc mộng giống hệt nhau. Cũng có khi có hai giấc mộng khá giống, đó là giấc mộng thuộc loại cảm ứng, có thể mộng thấy cùng một chuyện, đó là do cảm ứng. Chứ đối với những giấc mộng thông thường, chẳng thể nào có hiện tượng giống nhau. Vậy thì tôi hỏi quý vị, giấc mộng của quý vị nảy sanh lúc mấy giờ, mấy phút? Quý vị cũng chẳng nói được! Nếu quý vị hỏi Phật, Phật dạy đó là nằm mộng vô thi, vì sao? Nó là giả, chẳng thật, nên đức Phật gọi nó là vô thi vô minh. Vì sao có hiện tượng này? Đã mê! Hễ giác sẽ chẳng có hiện tượng này, khi mê bèn có hiện tượng ấy. Giống như một người làm việc đã lâu, rất mệt, khi rất mệt mỏi, mắt sẽ thấy những thứ chẳng bình thường; đó là “*hoa mắt*”, chẳng phải là quý vị thật sự thấy. Quý vị ngỡ là thấy, nhưng thật ra là do hoa mắt, mệt mỏi. Bất quá, trong khi có hiện tượng như vậy, phàm nhân rất dễ để cho đồng cốt [thỉnh quý thần] dựa vào thân mình. Người tinh thần sung mãn, chúng sẽ chẳng dám [léo hánh]. Người đang lúc mệt mỏi tột bậc, chúng rất dễ xâm nhập, mượn thân thể quý vị để dựa xác, sẽ xuất hiện những chuyện đó. Chúng ta hiểu hai chữ “*vô thi*” là không thật, về căn bản, chẳng có chuyện này.

Vì thế, đức Phật thường dùng mộng cảnh để tỷ dụ lục đạo. Kinh Kim Cang đã nói “*hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”, hình dung các hiện tượng. “*Như sương, cũng như chớp*” hình dung thời gian tồn tại của những tướng được hiện ấy hết sức ngắn ngủi, tạm bợ. Ngắn ngủi, tạm bợ đến mức nào? Ngắn ngủi, tạm bợ đến mức sanh diệt đồng thời. Sách Hoàn Nguyên Quán đã giảng rõ ràng về sự thật của hiện tượng này. Chúng

ta nói “sinh diệt trong từng sát-na”, nhưng thời gian một sát-na đã là quá dài! Kinh Nhân Vương nói một cái khảy ngón tay có sáu mươi sát-na, đó là đức Phật nói phương tiện, trong một sát-na có chín trăm lần sinh diệt, [nói sinh diệt trong từng] sát-na chẳng phải là quá dài ư? Trong một sát-na có tới chín trăm lần sinh diệt. Nếu chúng ta nghĩ tới cuộc đời thoải giữa Di Lạc Bồ Tát và đức Thế Tôn, Di Lạc Bồ Tát nói: “*Một cái khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm*”. Hiện thời chúng ta dùng giây làm đơn vị thời gian, nói chung, trong một giây chúng ta có thể khảy từ bốn đến năm lần. Nếu khảy năm lần, tính theo tốc độ ấy, trong một giây có bao nhiêu lần sinh diệt? Một ngàn sáu trăm triệu. Trong một giây có một ngàn sáu trăm triệu lần sinh diệt, quý vị lý giải hiện tượng sinh diệt này như thế nào? Quá nhanh! Vì vậy, trong giáo pháp Đại Thừa, nói đến rất ráo, bảo là “*hoạt tại đương hạ*” (sống ngay trong khi ấy). Câu này là thật, chẳng giả tí nào; nó cho thấy thời gian chẳng thật, không gian cũng chẳng thật. Lúc mê, dường như có hiện tượng thời gian và không gian, khi giác ngộ bèn chẳng có! Không có thời gian, nên chẳng có trước, sau, quý vị thấy được toàn bộ quá khứ, hiện tại, vị lai. Chẳng có không gian, nên chẳng có khoảng cách, thế giới Cực Lạc cách chúng ta mười vạn ức cõi Phật, ở nơi đâu? Ở ngay nơi đây. Trong Tam Thời Hệ Niệm, thiền sư Trung Phong đã nói rất ý vị: “*Phương này chính là Tịnh Độ, Tịnh Độ chính là phương này*”, Tịnh Độ là thế giới Cực Lạc, thế giới Cực Lạc ở nơi đâu? Ở ngay nơi chúng ta đây! Nơi này chính thế giới Cực Lạc. Câu này có ý nghĩa nhằm nói với quý vị: Không có thời gian và không gian! Trong Nhất Chân pháp giới, không có thời gian và không gian. Do vậy, Tịch là tự tánh vốn định. Diệt là diệt điều gì? Trong Phật pháp nói tới ba loại phiền não lớn, tức là Vô Minh phiền não, Trần Sa phiền não, và Kiến Tư phiền não, chúng đều bị tiêu diệt, đều chẳng còn nữa. Đó là cảnh giới gì? Tối thiểu phải là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Đại chúng trong ấy, ai nấy đều đoạn sạch ba loại đại phiền não, cũng giống như kinh Hoa Nghiêm thường nói “*chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước*”, đều đạt tới cảnh giới ấy, đó là “*tịch diệt cảnh trí*”, tâm thanh tịnh tịch diệt, trí huệ hiện tiền. Tâm thanh tịnh giống như một tấm gương, có thể chiếu trọn khắp pháp giới hư không giới, dầu vi tế đến mấy, chẳng hạn như “lượng tử” đang được nói đến trong hiện thời, người ấy đều thấy rõ ràng, rành rẽ. Bản năng và trí huệ trong tự tánh được diễn tả bằng câu “*pháp nhĩ như thị*” (pháp vốn là như vậy đó). Các căn thanh tịnh, nên gọi là Tịch Căn, biểu thị ý nghĩa này.

“*Chân Giải vân: Cảnh trí tịch diệt, căn bản nghiêm tịnh, vân Tịch Căn*” (sách Chân Giải giảng: “Cảnh trí tịch diệt, căn bản nghiêm tịnh, gọi là Tịch Căn”), cũng chẳng giải thích khác với ý nghĩa trong phần trước cho mấy. Về căn bản đều là nói tới tự tánh. Nghiêm là trang nghiêm, Tịnh là thanh tịnh, [nghiêm tịnh là] trang nghiêm thanh tịnh, nên có đức hiệu là Tịch Căn. Nhìn vào đức hiệu này, [mười sáu vị tại gia Bồ Tát] toàn là Pháp Thân Bồ Tát, Đẳng Giác Bồ Tát. “*Kim cứ bốn kinh trung Chân Thật Công Đức phẩm vân: Cứu cánh Bồ Tát chư Ba La Mật, nhi thường an trụ bất sanh bất diệt chư tam-ma-địa. Chánh biểu Tịch vi căn bản, chiếu dụng vô cùng, Chiếu nhi thường Tịch, cố biểu thọ mạng vô lượng*” (nay căn cứ theo phẩm Chân Thật Công Đức trong kinh này có nói: “Rất ráo các Ba La Mật của Bồ Tát, thường an trụ trong các Chánh Định bất sanh bất diệt”. Điều ấy biểu thị Tịch là căn bản, chiếu có tác dụng vô cùng. Chiếu nhưng thường Tịch, nên thọ mạng vô lượng). Phần trước (tức cách giải thích của sách Hội Sớ) biểu thị trí huệ vô lượng, phần này (tức lời giải thích của sách Chân Giải) biểu thị thọ mạng vô lượng. Đây là nói theo đức, [tức là] nói theo phương diện Tánh Đức. Trong vô lượng vô biên đức năng, thọ

mạng là đệ nhất. Nếu không có thọ mạng, hết thầy đều như không. Có thọ mạng, quý vị mới có thể hưởng thụ, Tánh Đức mới có thể khởi tác dụng. Không có thọ mạng, sẽ chẳng khởi tác dụng. Nói đến thọ dụng thì ai đang thọ dụng? Ngã! Chẳng phải là thân này, mà là Chân Ngã xuất hiện. Chân Ngã là gì? Linh tánh là tự tánh, tự tánh mới là Chân Ngã. Tự tánh có thể sanh ra vạn pháp, tự tánh trọn đủ vô lượng trí huệ và đức năng. Chúng ta học Phật thì mục tiêu cuối cùng của học Phật là gì? Là tìm lại Ngã, tìm lại Chân Ngã! Đừng chấp trước Giả Ngã nữa, chúng ta phải tìm lại Chân Ngã. Giả Ngã ở trong Chân Ngã, giống như Chân Ngã là toàn bộ thân thể, còn Giả Ngã là gì? Giả Ngã là một sợi lông trên thân, hoặc một tế bào nơi thân. Nay chúng ta quên khuấy, quên bằng Chân Ngã, coi một sợi lông là Ngã, coi một tế bào là Ngã, chuyện là như thế đó! Trong hội Lăng Nghiêm, Thích Ca Mâu Ni Phật đã lấy biển cả làm tỷ dụ, sánh ví biển cả như tự tánh, lũ chúng sanh ta đông đảo chúng là gì? Là trong biển cả nổi lên một bọt nước, sóng vừa cuộn sẽ có rất nhiều bọt. Chấp trước một bọt nước là ta. Khi nào bọt nước vỡ tan, mới biết biển cả là Ngã, bọt nước là Giả Ngã, biển cả là Chân Ngã, mới biết tự tánh là Chân Ngã. Từ tự tánh dấy lên hiện tượng, giống như biển cả dấy lên bọt nước. Đã nhận ra biển cả, mới biết vạn sự vạn pháp trong khắp pháp giới hư không giới đều là ta, chẳng còn phân biệt nữa, đó mới là thật sự giác ngộ. Cây cối, hoa, cỏ, núi, sông, đại địa có quan hệ gì với chính mình? Ngã! Chân Ngã!

Cũng giống như nằm mộng, trong giấc mộng, mộng thấy chính mình, cũng mộng thấy rất nhiều người, cũng mộng thấy cây cối, hoa, cỏ, cũng mộng thấy núi, sông, đại địa, do đâu mà có? Toàn là do ý thức biến hiện. Lìa khỏi ý thức, quý vị chẳng có mộng, lấy đâu ra mộng? Khi ngủ, ý thức khởi tác dụng. Khi ngủ, thân thể vật chất giống như được nghỉ ngơi, nhưng tinh thần chẳng nghỉ ngơi, nó vẫn khởi tác dụng. Khi nào tinh thần được nghỉ ngơi? Nhập Định. Vì thế, nhập Định là tinh thần được nghỉ ngơi. Tinh thần được nghỉ ngơi thì thân thể cũng nghỉ ngơi trong trạng thái nhập định, chẳng phải là nhập định thì không được nghỉ ngơi. Do vậy, nếu chúng ta muốn giữ gìn sức khỏe, muốn thân thể khỏe mạnh, điều quan trọng nhất là tinh thần được nghỉ ngơi. Từ xưa tới nay, người hiểu đạo dưỡng sinh đã biết tĩnh tọa vào lúc sáng tối, chẳng cần một thời gian dài, từ năm phút đến mười lăm phút là đủ rồi, ngồi ở nơi đó. Thức dậy bèn ngồi trên giường, điều gì cũng chẳng nghĩ tới, khiến cho thân lẫn tâm đều được nghỉ ngơi, điều này có ích rất lớn khiến cho thân thể khỏe mạnh. Ngồi xếp bằng hay không chẳng sao, cứ ngồi theo lối thông thường là được rồi, chỉ cần buông ý niệm xuống, chuyện khẩn yếu nào cũng đều chẳng nghĩ tới. Đây là một phương pháp hết sức tốt theo đạo lý dưỡng sinh, tương thông với ý nghĩa Tịch Căn trong kinh Phật đã nói. Chớ thấy thời gian rất ngắn [mà coi thường], rất hữu dụng, vì từ trước đến nay quý vị chưa hề nghỉ ngơi. Có thể nghỉ ngơi trong mấy phút, sẽ cảm thấy rất thù thắng.

Tiếp theo là “*Tín Huệ, Hội Sở vân: Tín tâm trí huệ, vĩnh đoạn nghi võng*” (Tín Huệ, sách Hội Sở viết: “Tín tâm trí huệ, vĩnh viễn dứt lưới nghi”). Nói theo thế gian hay xuất thế gian, hai câu này đều vô cùng trọng yếu, đạo của thánh hiền thế gian, hay đại đạo xuất thế gian của Phật, Bồ Tát. Trong kinh luận thường nói: “*Phật pháp đại hải, tín vi năng nhập*” (Biển cả Phật pháp, do lòng tin mà có thể vào). Chúng ta học Phật đã ngàn ấy năm, có nhập hay không? Chẳng nhập! Vì sao chẳng nhập? Chúng ta tự nghĩ chính mình có tín tâm, ta đã tin Phật, ta là đệ tử chánh tín của Phật. Thật ra, chưa hiểu rõ ràng đạo lý chân thật trong

Phật pháp! Chẳng thể nói là không tin, nhưng chẳng thể nói là đã hoàn toàn tin! Trong lòng tin ấy, vẫn còn cả đồng dấu hỏi chưa thể giải quyết, chúng ta thường nói là “bán tín bán nghi”. Chúng ta ở trong tình trạng như vậy, cho nên học Phật nhiều năm, chẳng thể thọ dụng! Đối với chuyện này, có phương pháp nào để có thể giúp chúng ta hay không? Chẳng thể, chẳng có cách nào! Phật có đến cũng chẳng có cách nào! Trong không có biện pháp, Phật vẫn có biện pháp, Phật có pháp phương tiện. Pháp phương tiện là giảng kinh, quý vị phải nghe nhiều, nghe thường xuyên, nghe chẳng gián đoạn, nói chung sẽ có ngày quý vị hoảng nhiên đại ngộ, vĩnh viễn cắt đứt lưới nghi, tín tâm xuất hiện. Nếu không trải một thời gian rất dài, tín tâm chẳng dễ gì thành tựu. Có những người học Phật chưa bao lâu, tín tâm đã thành tựu, là do trong đời quá khứ, người ấy có thiện căn sâu dày, chúng ta chẳng sánh bằng, thiện căn trong đời quá khứ mà! Học Phật trọn chẳng phải là một đời này, trong quá khứ tín tâm chưa sâu dường ấy, nửa tin, nửa ngờ, đời này gặp gỡ [Phật pháp] vẫn là bán tín bán nghi. Nhưng nếu có cơ hội như thế, nghe kinh mỗi ngày, học tập mỗi ngày, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, khi nào quý vị sẽ vĩnh viễn cắt đứt lưới nghi? Duyên phận mỗi người mỗi khác! Có người thiện căn dày, hai ba năm, tín tâm đã thành tựu. Có kẻ mười năm, tám năm, hai mươi năm, ba mươi năm không chừng! Cũng có người suốt đời vĩnh viễn vẫn thuộc giai đoạn bán tín bán nghi, rất nhiều! Chúng ta tiếp xúc các đồng tu, quý vị hãy lắng lòng quan sát, sẽ có thể nhìn ra. Chúng ta cũng có thể nói “*một phần tín tâm bèn có một phần thành tựu, mười phần tín tâm bèn có mười phần thành tựu*”. Do vậy, “*tín vi đạo nguyên, công đức mẫu, trường dưỡng nhất thiết chư thiện căn*” (tín là nguồn đạo, mẹ công đức, nuôi lớn hết thảy các thiện căn), lời ấy có lý lắm! Tín Huệ Bồ Tát biểu thị pháp này, đối với pháp thế gian và xuất thế gian mà có thể thành tựu trong một đời thì điều thứ nhất là tín tâm!

Tôi học Phật, nói thật ra, chẳng phải là kẻ có tín tâm rất mạnh mẽ, tôi cũng là kẻ bán tín bán nghi. Tôi tin thầy, thật sự đắc lực là nhờ vào đó. Từ thuở bé, cha mẹ đã dạy tôn trọng đạo. Thuở ấy, đâu biết trọng đạo là gì, chỉ là tôn sư, phải tôn trọng thầy, phải nghe lời, thầy dạy làm sao bèn làm như vậy, chẳng dám chống trái, từ nhỏ đã học điều này. Sau này học Phật, điều ấy khởi tác dụng rất lớn. Tôi gặp gỡ ba vị thiện tri thức, họ đồng ý dạy tôi là nhờ vào đâu? Nhờ tôi có chút lòng cung kính thầy nên thầy chịu dạy! Hiện thời, nói thật ra, người học Phật rất nhiều, đặc biệt là những kẻ trẻ tuổi chẳng có lòng cung kính thầy! Vì sao? Đối với cha mẹ, họ đều chẳng cung kính, làm sao có thể cung kính thầy? Thành tựu trong học tập đúng là đời sau kém đời trước! Quý vị phải truy cứu vì sao? Nguyên nhân ở chỗ nào? Nguyên nhân là đối với đạo, đối với thầy, đối với nghiệp (tức học nghiệp của quý vị), tâm cung kính chẳng bằng đời trước! Hiện thời, tâm cung kính mỗi đời một kém hơn! Nói cách khác, chắc chắn là sự thành tựu của mỗi đời một kém hơn; nhưng chúng ta chớ nên nản chí, nếu nghiệp chướng của chúng sanh tiêu tan kha khá, chư Phật, Bồ Tát sẽ đến, sẽ đến thị hiện. Giống như Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trên thế gian, chư Phật, Bồ Tát nhiều ngàn ấy cũng đều thị hiện. Các Ngài thông hiểu, biết hiểu thuận với cha mẹ, biết tôn trọng đạo, sẽ có thể nêu gương cho mọi người thấy. Đó là gì? Nghiệp chướng của chúng sanh đã tiêu tan kha khá, các Ngài sẽ đến. Nghiệp chướng rất nặng, các Ngài chẳng đến, vì sao? Đến chẳng có ích gì; có đến, những kẻ ấy cũng chẳng tin. Nhà Phật thường gọi điều này là “*thời tiết nhân duyên*”, nhân duyên đến thời, các Ngài đều thị hiện.

Tiếp theo, “*Chân Giải vân: Minh tín Phật trí, vô thượng trí huệ. Hựu bốn kinh trung: Dĩ tăng cúng dường chư Như Lai, tắc năng hoan hỷ tín thử sự; nhân thân nan đắc, Phật nan trị, tín huệ văn pháp nan trung nan*” (Sách Chân Giải viết: “Tín rõ Phật trí là vô thượng trí huệ”. Kinh này lại nói: “Do từng cúng dường các Như Lai nên có thể hoan hỷ tin được sự này” và “thân người khó được, Phật khó gặp, tín huệ nghe Phật pháp là điều khó nhất trong các điều khó”). Trong kinh, đức Phật nói mấy câu này, nói rõ trong thời kỳ Mạt Pháp mà gặp gỡ pháp môn này, có thể tin tưởng, có thể hoan hỷ, sẽ là hạng người nào? Trong đời quá khứ, quý vị đã từng cúng dường Như Lai. “*Chư Như Lai*” ở đây bao gồm bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ. Trong đời quá khứ, quý vị đã từng gặp gỡ, từng tiếp nhận giáo huấn của các vị Phật, Bồ Tát ấy, nhưng tu hành chưa thành công, nên vẫn phải luân hồi trong lục đạo. Trong đời này, thiện căn trong đời quá khứ chín muồi, duyên ấy lại tiếp tục, lại tiếp nối duyên ấy. Vì thế, nhà Phật thường nói: “*Phật chẳng độ kẻ vô duyên*”, hữu duyên là gì? Trong đời quá khứ từng cúng dường chư Như Lai, đây là kẻ hữu duyên. Quý vị tiếp nhận, hoan hỷ tiếp nhận, ắt có thể hoan hỷ tin tưởng chuyện này. Nếu tiếp xúc nhưng chẳng sanh tâm hoan hỷ, tiếp xúc bèn có lăm nõi hoài nghi, tức là chẳng có duyên với Phật!

Hai câu kệ tiếp đã được lịch đại tổ sư trích dẫn rất nhiều: “*Nhân thân nan đắc, Phật nan trị*”, [có nghĩa là] khó được làm thân người, khó nghe Phật pháp, mang ý nghĩa này. Được làm thân người, chưa chắc trong đời này quý vị đã có thể nghe Phật pháp. Chỉ cần chúng ta lắng lòng quan sát cận kề, sẽ thấy chuyện này ở ngay trước mắt. Trên thế giới hiện thời, dân cư cả thế giới thường được phỏng đoán là trên dưới sáu mươi lăm ức¹, trong sáu mươi lăm ức người như thế, được mấy phần có dịp nghe Phật pháp? Nói thông thường, trên thế gian hiện thời, trong những người có tín ngưỡng tôn giáo, do Cơ Đốc giáo và Thiên Chúa giáo tuyên truyền rộng rãi nhất, số lượng tín đồ thường được nói đại khái là từ hai mươi ức người trở lên, là tôn giáo lớn nhất trên thế giới này. Kế đó là đạo Y Tu Lan (đạo Hồi), tôi tiếp xúc với họ rất nhiều, có người bảo tôi, đại khái trên cả thế giới tín đồ đạo Hồi có chừng mười lăm ức. Theo cách nhìn của tôi, dẫu chưa đến mười lăm ức thì chắc chắn cũng không ít hơn mười ba ức, đây là một tôn giáo lớn trên thế giới. Thứ ba phải là Phật giáo, người theo tín ngưỡng Phật giáo chưa được một nửa của họ, tôi tin người có tín ngưỡng Phật giáo trên cả thế giới chẳng vượt quá sáu ức. Hiện thời, trên toàn cầu, người có tín ngưỡng tôn giáo mỗi năm một ít hơn. Thống kê [số lượng tín đồ] Phật giáo vô cùng khó khăn, vì mọi người trong Phật giáo không coi trọng chuyện này. Con số thống kê của Cơ Đốc giáo và Thiên Chúa giáo tương đối đáng tin, vì họ có người chuyên môn làm công việc này, [thống kê] mỗi năm có bao nhiêu người chịu phép rửa tội. Năm nay chịu rửa tội ít hơn năm ngoái rất nhiều, mỗi năm một ít hơn, họ nói rất chính xác. Do nguyên nhân nào? Khoa học phát triển, tinh thần khoa học chẳng có chi khác, chẳng đưa ra được chứng cứ, người ta sẽ không tin. Họ nói: “Các người lý tưởng, chẳng phải là sự thật”, họ đòi hỏi chứng cứ!

Khéo sao mấy năm nay, khoa học tiên phong, tiên phong tức là chưa chín muồi, vừa mới đề ra khái niệm khoa học mới, chẳng hạn như đối với nguyên khởi của vũ trụ, đối với nguyên khởi của sanh mạng có cách nhìn mới mẻ, lập luận khác với những nhà khoa học

¹ Hiện thời, Úc là một trăm triệu (khác với cách hiểu thông thường Úc là một trăm ngàn của Việt Nam).

trước kia. Cách nhìn mới mẻ ấy ngày càng gần với cách nói trong tôn giáo, nhưng vẫn cần phải thông qua thí nghiệm để chứng minh thì mọi người mới tin tưởng, chẳng còn hoài nghi. Chúng tôi nghĩ tôi thiếu vẫn phải mất năm năm hay mười năm nữa, hiện thời loại khoa học ấy mới manh nha, đến khi ấy sẽ chín muồi! Đây là một chuyện tốt đẹp, những chuyện đã nói trong kinh điển nhà Phật đều được chứng minh, dùng khoa học để chứng minh, khiến cho chúng tôi nghĩ tới người trong thời cổ, đối với những lời kinh điển dạy, họ vừa nghe liền tin tưởng, chẳng hoài nghi, chúng ta chỉ có thể tán thán họ có thiện căn sâu dày nên có thể tin tưởng. Chúng ta hoài nghi, phải trải qua vài chục năm học tập mới thật sự tin tưởng, chẳng hoài nghi; người ta vừa tiếp xúc bèn tin tưởng, chẳng hoài nghi. So giữa chúng ta và họ, họ đỡ tốn thời gian mười mấy năm hay hai mươi năm. Nếu họ có thể thật sự thâm nhập một môn, huân tu dài lâu, thành tựu của họ nhất định cao hơn chúng ta, chúng ta chẳng thể đuổi kịp họ. Tiếp đó, [sách Chú Giải] viết: “*Thử Tịnh Độ Tông, thị nan tín pháp. Nhược năng tín nhập, giai nhân tức cụ huệ căn*” (Tịnh Độ Tông là pháp khó tin. Nếu có thể tin nhập đều là do đã có huệ căn từ đời trước). Trong đời đời kiếp kiếp quá khứ, người ấy đã trọn đủ huệ căn nên mới có thể tin tưởng và khế nhập. Những điều này đều nói về tín tâm, tín tâm rất quan trọng.

Có tin còn phải có nguyện thì đời này mới có thể thành tựu viên mãn. Vì thế, kế tiếp là Nguyện Huệ Bồ Tát. “*Nguyện Huệ, biểu A Di Đà Phật đại nguyện chi vương, trí huệ quảng đại. Hựu khả dĩ Tín Huệ Chánh Sĩ hợp tham, chánh biểu Tịnh Độ dĩ tín nguyện trì danh vi Tông*” (Nguyện Huệ biểu thị A Di Đà Phật là bậc đại nguyện vương, trí huệ rộng lớn; lại có thể phối hợp với Tín Huệ Chánh Sĩ, biểu thị Tịnh Độ dùng “tín, nguyện, trì danh” làm Tông). Thật sự tin tưởng Tịnh Tông, thật sự chẳng hoài nghi, nhất định phải phát nguyện, nguyện sanh về Tịnh Độ, muốn thân cận A Di Đà Phật, đến thế giới Cực Lạc làm học trò của A Di Đà Phật. Thế giới Cực Lạc tốt đẹp, do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giới thiệu cho chúng ta. Ngài giảng kinh, thuyết pháp bốn mươi chín năm, tuyên giảng kinh Vô Lượng Thọ nhiều lượt, cũng có thể nói là đã nhiều lần giới thiệu thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc tốt đẹp, tốt đẹp ở chỗ nào? Trong thế giới này, hết thấy chúng sanh tạp cư, các nghề nghiệp, thế giới Cực Lạc đơn thuần, chẳng phức tạp tí nào! Trong thế giới này, nam, nữ, già, trẻ, các nghề nghiệp là bao nhiêu? Hiện thời có mấy trăm loại; thế giới Cực Lạc chỉ có hai loại người, quý vị thấy đơn thuần, đơn giản lắm, hai loại người là gì? Một là thầy, hai là trò. Chẳng nghe nói thế giới Cực Lạc có chánh phủ hay có quốc vương, thiên vương, chưa hề nghe nói tới, cũng chẳng nghe nói thế giới Cực Lạc có đại thần, quý vị biết [thế giới ấy] quá đặc thù. Chúng ta đến thế giới Cực Lạc là học trò, A Di Đà Phật là thầy. [Chúng sanh trong] mười phương thế giới cầu vãng sanh thế giới Cực Lạc, đều là học trò của A Di Đà Phật. Nói theo cách bây giờ, thế giới Cực Lạc là gì? Là trường học. Ở bên đó, A Di Đà Phật lập ra một trường học. Trường gì vậy? Trường học dạy phàm phu thành Phật. Phàm phu trong mười phương thế giới chỉ cần thật sự tin tưởng, chịu phát tâm đến nơi đó, ai nấy đều thành Phật, tốt nghiệp bèn thành Phật, [nơi đó] là trường học để thành Phật viên mãn trong một đời. Vì thế, chúng ta học Phật, mong thành Phật, đến thế giới Cực Lạc thành Phật nhanh nhất, thời gian ngắn nhất, thành tựu nhanh nhất, lại còn thành tựu [địa vị] Phật rốt ráo viên mãn. Chẳng giống như thế giới này, thành Phật còn phải trải qua Phật pháp giới trong mười pháp giới, ngôi vị Phật ấy vẫn chưa phải là chân Phật. Quý vị nói xem nơi ấy (cõi Cực Lạc) có thù thắng lắm hay không? Gặp cơ hội này chẳng dễ dàng, đâu được làm thân người, nghe Phật pháp, trong những người được nghe Phật pháp, được mấy

phần có cơ hội nghe pháp Tịnh Độ này? Quý vị phải xét như vậy, mới nhận thấy đúng là chẳng nhiều nhõm gì! Người thật sự hiểu Tịnh Độ, khẳng khẳng một mực tu học Tịnh Độ chẳng có mấy! Vì thế, hai vị Bồ Tát này (Tín Huệ và Nguyễn Huệ) biểu thị “tín nguyện trì danh”, đó là tông chỉ tu học của Tịnh Tông.

Vị tiếp theo, “*Hương Tượng Bồ Tát nãi Đông phương A Súc Phật quốc Bồ Tát*” (Hương Tượng Bồ Tát là Bồ Tát trong nước A Súc Phật ở phương Đông), đây là Bồ Tát từ thế giới phương khác đến tham gia pháp hội của Thích Ca Mâu Ni Phật, đến làm Ảnh Hưởng Chúng. “*Tằng u Duy Ma hội thượng, tác đồng văn chúng. Hương tượng thân xuất hương phong, thử Bồ Tát thân hương diệc như chi. Hương tượng lực đại, biểu Di Đà nguyện lực vô biên*” (Từng ở trong hội Duy Ma làm đại chúng cùng nghe pháp. Thân hương tượng toát ra mùi thơm, mùi hương nơi thân của vị Bồ Tát này cũng giống như vậy. Hương tượng² có sức mạnh to lớn, biểu thị Di Đà nguyện lực vô biên). Chư Phật, Bồ Tát giảng kinh, giáo học, những người có công phu định lực sẽ trông thấy các vị Bồ Tát từ các thế giới phương khác đến tham dự pháp hội ấy, ngồi trên không trung để nghe giảng. Nhục nhãn của chúng ta không trông thấy, nhưng họ (người có công phu định lực sâu) có thể thấy thiên long bát bộ, chư thiên Sắc Giới, chư thiên Dục Giới, chư thiên thuộc mười tám tầng trời trong Sắc Giới và sáu tầng trời trong Dục Giới đều đến nghe kinh, thần hộ pháp đến trang nghiêm đạo tràng. Vị Bồ Tát này đến từ cõi A Súc Phật ở phương Đông, đức Phật từng giới thiệu Ngài trong hội Duy Ma. Cư sĩ Duy Ma giảng kinh, Duy Ma là tại gia Phật, thuộc địa vị Diệu Giác, Bồ Tát cũng đến làm Đồng Văn Chúng (đại chúng cùng nghe). Đồng Văn Chúng là Ảnh Hưởng Chúng, vì sao? Vị Bồ Tát này là Đẳng Giác Bồ Tát, chẳng phải là Bồ Tát thông thường, Ngài đến làm Ảnh Hưởng Chúng, khiến cho mọi người nhìn vào, quý vị thấy Đẳng Giác Bồ Tát từ thế giới phương khác đều đến tham gia pháp hội này, nghe cư sĩ Duy Ma giảng kinh, nhất định là cư sĩ Duy Ma rất lỗi lạc. Nếu không, lẽ nào Đẳng Giác Bồ Tát đến nghe giảng? Khiến cho tín tâm của thính chúng hiện tiền trong đại hội kiên định, khiến cho đại chúng sanh khởi tâm cung kính đối với vị đại đức giảng kinh, chắc chắn sẽ khiến cho đại chúng đang nghe kinh sanh tâm tôn trọng pháp môn, kính điển, tôn trọng pháp môn [đang được giảng], sẽ đạt được lợi ích. Vì thế, gọi là Ảnh Hưởng Chúng. Thân hương tượng tỏa ra hơi thơm, thân Bồ Tát cũng có mùi thơm, có mùi thơm lạ. Ngài có đại lực, biểu thị A Di Đà Phật nguyện lực to lớn. A Di Đà Phật muốn độ hết thấy chúng sanh trong khắp pháp giới hư không giới thành Phật viên mãn trong một đời. Đại nguyện lực như vậy cảm vơi hết thấy chư Phật Như Lai, Pháp Thân đại sĩ trong mười phương ba đời tán thán.

“*Bảo Anh, biểu Di Đà nguyện hải, nãi vô lượng công đức diệu bảo chi sở trang nghiêm, năng linh phạm phu vô công đức giả kính đặng Bất Thoái, chứng nhập Niết Bàn. Thị nãi bảo trung chi anh, cố viết Bảo Anh*” (Bảo Anh biểu thị Di Đà nguyện hải, được trang nghiêm bằng chất báu màu nhiệm vô lượng công đức, có thể khiến cho phạm phu chẳng có công đức mau chóng đạt lên địa vị Bất Thoái, chứng nhập Niết Bàn, là thứ quý báu nhất trong các chất báu, nên gọi là Bảo Anh). “*Bảo*” (寶) là tử dụ, nhằm sánh ví Di Đà

² Hương tượng (Gandha-hastin) là một loài voi có thể tiết ra mùi thơm, có sức mạnh rất lớn. Theo Đại Tỳ Bà Sa Luận quyển ba mươi, voi ấy rất mạnh, mạnh bằng mười con voi thường.

nguyện hải, tức là bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật. Bốn mươi tám nguyện của Phật Di Đà là diệu bảo của hết thảy chúng sanh trong khắp pháp giới hư không giới, không ai gặp gỡ mà chẳng đắc độ. Vì vậy, Tịnh Tông Học Hội thành lập, nguồn gốc của Tịnh Tông Học Hội là do lão cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập kinh Vô Lượng Thọ, đã hội tập kinh xong xuôi, lão nhân gia đề xướng hưng khởi Tịnh Tông Học Hội. Vào thời cổ, gọi là Liên Xã; đạo tràng, Niệm Phật Đường của Tịnh Độ Tông là Liên Xã. Nhằm phù hợp nhu cầu của thời đại và quan niệm con người hiện đại, lão cư sĩ dùng chữ Học Hội hoặc Học Viện, như vậy thì sẽ khiến cho mọi người nhìn vào danh xưng, nghĩ tới ý nghĩa, trông thấy danh xưng ấy chẳng đến nỗi nảy sanh hiểu lầm. Vì trước kia gọi là Liên Xã, khiến người ta nghĩ tới tôn giáo, cho là mê tín, nên cụ sửa lại danh xưng. Chúng ta tụ hội với nhau để cùng nhau tu tập (cộng tu) nên gọi là Học Hội, cùng nhau tụ tập để học tập kinh giáo nên gọi là Học Viện, cũng là đưa Phật giáo trở lại giáo dục, thực hiện như vậy đó. Khi ấy, cụ đề xướng nhưng hoàn toàn chưa thành lập, chỉ đề ra các danh hiệu ấy, chẳng thành lập. Tôi diện kiến lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, lão cư sĩ đem chuyện này ủy thác cho tôi, hy vọng tôi giảng kinh, giáo học ở ngoại quốc sẽ cổ vũ, khích lệ mọi người thành lập Tịnh Tông Học Hội. Vì vậy, Tịnh Tông Học Hội đầu tiên được thành lập tại Ôn Ca Hoa (Vancouver), Gia Nã Đại, nghe nói hiện thời hội ấy vẫn còn. Thuở ấy, hội trưởng đầu tiên là cư sĩ Trần Đại Xuyên, tôi giảng kinh tại Vancouver, thành lập Gia Nã Đại Tịnh Tông Học Hội. Học hội thứ hai tại Thánh Hà Tây (San Jose) nước Mỹ, thuộc vùng phụ cận thành phố Tam Phiền (San Francisco), thành phố Tam Phiền ở phía Tây San Jose, thành lập Mỹ Quốc Tịnh Tông Học Hội. Hội trưởng của học hội thứ hai là cư sĩ Dương Nhất Hoa, hiện thời vẫn là ông ta. Lần ấy, chúng tôi học tập Lục Hòa Kính tại Hương Cảng, ông ta đến tham gia, đó là học hội thứ hai. Tôi nhớ tôi ở Mỹ mười mấy năm, tại Mỹ và Gia Nã Đại nói chung có tất cả ba mươi mấy học hội, có những hội mấy năm gần đây đã mất liên lạc, thật sự có liên lạc với chúng tôi dường như chưa đến mười hội, nhưng Tịnh Tông Học Hội tại Mã Lai nhiều nhất, nghe nói chánh thức thành lập hơn năm mươi cơ sở, những cơ sở chưa đăng ký đại khái tới hơn năm mươi hội, gộp chung, Mã Lai có hơn một trăm Tịnh Tông Học Hội, đứng đầu thế giới, pháp duyên ở đó thù thắng khôn sánh!

Lão cư sĩ đặc biệt bảo chúng ta: “*Năng linh phàm phu vô công đức giả kính đấng Bất Thoái, chúng nhập Niết Bàn*” (Có thể làm cho phàm phu không có công đức mau chóng đạt tới địa vị Bất Thoái, chúng nhập Niết Bàn), mấy câu này tuyệt diệu! Chúng ta đúng là phàm phu sát đất, lấy đâu ra công đức? Nhưng gặp gỡ kinh Vô Lượng Thọ, mỗi ngày có thể niệm kinh Vô Lượng Thọ một lần, dùng làm công khóa sáng tối để niệm một lần, mỗi ngày quý vị tích lũy, tích lũy chẳng ít công đức, phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, chẳng còn luân hồi nữa, luân hồi rất khổ sở, chớ nên mê hoặc nữa! Nếu mong tái lai, rất đơn giản, quý vị tới thế giới Cực Lạc, gặp A Di Đà Phật, quý vị nói trên quả địa cầu này, tức địa cầu thuộc thế giới Sa Bà, thân bằng hảo hữu rất nhiều, con muốn giúp họ, tiếp dẫn họ về thế giới Cực Lạc, A Di Đà Phật gật đầu. Trí huệ, thần thông, và đạo lực của Ngài sẽ gia trì quý vị, quý vị là Bồ Tát tái lai, trở lại [thế giới Sa Bà]. Khi trở lại, quý vị chẳng mê hoặc, chẳng đọa lạc, quý vị có thể dẫn một nhóm người sang thế giới Cực Lạc, đó là một chủ ý hay, là một biện pháp tốt. Đến thế giới Cực Lạc mới thật sự biết chỗ hay đẹp của thế giới Cực Lạc, quay về khuyên dạy đại chúng cùng sanh Cực Lạc quốc. Bảo Anh biểu thị ý nghĩa này.

Trung Trụ Bồ Tát, “*Trung Trụ, an trụ Trung Đạo, bất lạc nhị biên, đương tướng tức đạo, tức Sự nhi Chân, tịnh niệm tương kế, tức niệm ly niệm, thị Trung Trụ nghĩa*” (Trung Trụ: An trụ trong Trung Đạo, chẳng rơi vào hai bên (chấp Có, chấp Không), từ ngay nơi tướng chính là đạo, ngay nơi Sự tức là Chân, tịnh niệm nối tiếp, từ ngay nơi niệm là được niệm là ý nghĩa của Trung Trụ). Mấy câu này giải thích hết sức hay, chữ “*an trụ*” nói về tâm, tâm trụ nơi đâu? Tâm đã được an trụ, thân sẽ chẳng có vấn đề. Thân như thế nào? Thân là khổ và vui, hai bên khổ và vui đều là cả rồi, Trung Đạo đấy! Tà - chánh là nhị biên (hai bên), thiện - ác là nhị biên, an - nguy là nhị biên, nhị biên đều tách rời, đó là Trung Trụ. Nói rõ ráo, Không - Có là nhị biên, chân - vọng là nhị biên. Giáo pháp Đại Thừa dạy chúng ta: “*Nhị biên bất trụ, Trung Đạo bất tồn*” (chẳng trụ vào nhị biên thì Trung Đạo cũng chẳng còn). Nếu quý vị trụ nơi Trung Đạo, Trung Đạo đối lập với nhị biên, vẫn là một bên, vẫn là trật. Vì thế, đối với Trung Trụ, Trung Đạo cũng chẳng có, chẳng rơi vào nhị biên. Câu này giảng hết sức hay, chẳng rơi vào nhị biên, ai chẳng rơi vào nhị biên? Pháp Thân Bồ Tát. Không chỉ người trong lục đạo chẳng làm được, mà bốn thánh pháp giới cũng chẳng làm được, ai làm được? Người minh tâm kiến tánh làm được, người đại triệt đại ngộ thật sự vĩnh viễn an trụ trong Trung Đạo. An trụ Trung Đạo, có ý niệm “ta đang an trụ trong Trung Đạo” hay không? Chẳng có ý niệm ấy. Hễ có ý niệm ấy, tức là lại “có trụ”. Trung Đạo là một bên, nhị biên là bên kia, người ấy vẫn chẳng có cách nào trụ trong Trung Đạo! Không rơi vào nhị biên sẽ là Trung Đạo thật sự. Bốn câu tiếp đó nhằm hiển lộ ý nghĩa của Trung Đạo: “*Đương tướng tức đạo*”, Đương (當) là ngay lập tức, Tướng là hiện tượng; nói cách khác, hiện tiền là Trung Đạo. Cách trụ như thế nào? Trong hoàn cảnh hiện tiền, chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, đó là Trung Đạo. Khởi tâm động niệm là lệch lạc; phân biệt, chấp trước là tà, sai mất rồi!

Chư Phật, Bồ Tát thị hiện trong thế gian này, thườ Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, Pháp Thân Bồ Tát, Đẳng Giác Bồ Tát từ cõi này hay phương khác nhiều ngàn ấy đều đến thế gian. Có không ít vị đến nơi đây đầu thai để thị hiện, các Ngài chẳng mê hoặc. Tuy chẳng mê hoặc, giả vờ mê hoặc, lên sân khấu biểu diễn một vai nhằm giúp Thích Ca Mâu Ni Phật giáo hóa chúng sanh. Trên thực tế, các Ngài quả thật là “*đương tướng tức đạo*” (từ ngay nơi tướng chính là đạo), từ ngay nơi Sự chính là Chân, chỉ những ai có công phu thật sự mới thấy được các Ngài đang biểu diễn, đang diễn tuồng, đang dạy người khác, mới thấy được trí huệ của Bồ Tát và phương tiện thiện xảo của Phật, Bồ Tát. Áp dụng vào Tịnh Tông, tịnh niệm nối tiếp, từ ngay nơi niệm mà lìa niệm, đó là Trung Đạo, đấy chính là thật sự hiểu “*đương tướng tức đạo, tức Sự nhi chân*” như đã nói trong phần trước. Bậc Tông môn đại đức trong Thiên Tông khảo nghiệm học trò: “Người hiểu chưa?” Hiểu thì quý vị là Bồ Tát, chẳng phải là phàm phu; không hiểu thì là phàm phu, chẳng phải là Bồ Tát. “Hiểu không” là gì vậy? Thật sự hiểu, buông phân biệt, chấp trước xuống mới là thật sự hiểu. Quý vị còn có phân biệt, chấp trước, tức là chẳng hiểu, quý vị là phàm phu. A La Hán buông chấp trước xuống, Bồ Tát buông phân biệt xuống, Pháp Thân đại sĩ, Đẳng Giác Bồ Tát khởi tâm động niệm cũng không có, chẳng khác chư Phật Như Lai, an trụ trong Trung Đạo. Tiêu chuẩn an trụ trong Trung Đạo là Pháp Thân Bồ Tát, theo kinh Hoa Nghiêm, trong Viên Giáo, từ Sơ Trụ trở lên thuộc về cảnh giới này, thật sự an trụ trong Trung Đạo. Ngày nay, trên địa cầu tai nạn rất nhiều, các Ngài có bị tai nạn hay không? Các Ngài chẳng bị. Vì sao chẳng bị? Các Ngài chẳng khởi tâm động niệm. Tai biến biến hóa như thế nào, các Ngài hiểu rõ ràng, minh bạch, biết gì là nhân, biết gì là quả, chẳng có may may gì liên

quan đến các Ngài, giống như các Ngài đang xem diễn tuồng, hoặc xem biểu diễn ảo thuật vậy. Trụ trong Trung Đạo mới được, tối thiểu cũng phải trụ trong bốn thánh pháp giới, đừng trụ trong lục đạo. Nếu trụ trong bốn thánh pháp giới, quyết định chẳng chấp trước, hề có chấp trước nhất định là lục đạo phàm phu, chắc chắn phải chịu khổ. Muốn hưởng vui, quý vị làm lành sẽ hưởng vui; quý vị tạo ác phải chịu khổ, chẳng có cách nào, trong lục đạo có nhân quả báo ứng.

“*Chế Hạnh, biểu nghiêm trì tịnh giới, chế ác hành thiện*” (Chế Hạnh biểu thị trì giới thanh tịnh nghiêm ngặt, ngăn ác, làm lành), Chế (制) là ngăn dút. [Chế Hạnh] là dút ác làm lành, nghiêm trì giới luật. “*Hựu niệm Phật tức thị trì giới*” (lại nữa, niệm Phật chính là trì giới), chúng ta có phải học giới luật hay không? Người niệm Phật chẳng cần. Giới luật có ba loại lớn, thứ nhất là Luật Nghi Giới, nhất định phải tuân thủ từng điều một, đặc biệt là đối với kẻ sơ học, giới luật cũng rất trọng yếu. Người thật sự niệm Phật, suốt ngày từ sáng đến tối là mười vạn câu Phật hiệu, sự niệm Phật ấy chính là trì giới, đó là gì? Đạo cộng giới. Niệm Phật là tu đạo, tu đạo Tây Phương, tu đạo Di Đà, từng bước hướng gần đến thế giới Cực Lạc, điều này thuộc về Đạo Cộng Giới. Phật hiệu là giới luật, trong tâm là Phật, nơi miệng là Phật, thân chính là Phật, lấy đâu ra chuyện xấu để làm! Đó là trì giới. Loại thứ hai là gì? Định Cộng Giới, người ấy đã nhập định, nhập Định sẽ chẳng làm chuyện xấu xa, chẳng có ác niệm, cũng chẳng có ác hạnh; vì vậy, Định Cộng Giới, tức là trong Định có giới, trong Đạo có giới. Nếu chẳng tu Đạo, chẳng tu Định mà muốn trì giới, sẽ chẳng có giới, mà Phật pháp cũng chẳng có luôn! Chư vị đồng tu chớ nên không biết điều này: Không có giới luật, Phật pháp sẽ tiêu diệt! Bởi thế, ngày nay chúng ta niệm Phật vẫn phải nhấn mạnh trì giới, vì sao? Niệm Phật là chúng ta thành tựu chính mình, trên địa cầu còn có nhiều chúng sanh phải chịu khổ, trì giới sẽ có thể lìa khổ, được vui. Giới là thiện pháp, đoạn ác, tu thiện; thiện có thiện quả, tức quả báo [tốt lành], ác có ác báo. Đức Phật giảng cho chúng ta mười tiêu chuẩn, tức Thập Thiện Nghiệp Đạo. Quý vị tu Thập Thiện, quả báo là trong tam thiện đạo, thật sự thiện. Hiện thời, loài người bất thiện, quý vị thấy làm người khổ quá! Xã hội hỗn loạn dường ấy, trên địa cầu tai nạn nhiều ngàn ấy, do nguyên nhân gì? Chuyện này ngay các nhà khoa học cũng biết, các thứ tai biến trên địa cầu cho thấy tâm thái của cư dân trên địa cầu có vấn đề. Phản ứng đối với tâm thái bất thiện xuất hiện thành hiện tượng. Cảnh chuyển theo tâm, nếu cư dân trên địa cầu ai nấy tuân thủ nhân, nghĩa, đạo đức, hiếu, đễ, trung, tín, xã hội hòa hài, tai nạn chẳng dấy lên, thật đấy, chẳng giả đâu! Chúng ta là người học Phật, có tin tưởng những gì đức Phật đã giảng trong kinh hay không? Nói đến Tín Huệ Bồ Tát, quý vị có tin hay không? Quý vị không tin thì vẫn phải hứng chịu quả báo. Hưởng hết mọi nỗi khổ, đến cuối cùng quý vị tin tưởng. Khi nào quý vị tin tưởng, khi ấy tai nạn sẽ đình chỉ, ác báo của quý vị chấm dứt. Quý vị chẳng tin thì ác báo vẫn kéo dài, vẫn tiếp tục không ngừng, đạo lý là như vậy đó!

Chư Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức đã giảng những điều này suốt mấy ngàn năm, cổ nhân tin tưởng, người hiện thời chẳng tin. Vì sao? Thời cổ không có khoa học, lòng người thuần hậu, tử tế, nên đều có thể tiếp nhận, tin tưởng. Người thông minh, do người có trí huệ dịu dặt, người thật sự có trí huệ sẽ tin tưởng. Kẻ có kiến thức nhưng thiếu trí huệ sẽ chẳng tin. Gần ba trăm năm qua, khoa học phát triển mạnh mẽ, mọi người tin theo khoa học, chẳng còn tin tưởng giáo huấn của cổ thánh tiên hiền, chẳng còn tin tưởng luân lý đạo đức nên mới biến thành nông nổi hiện thời, chúng ta chớ nên không biết. Nếu chúng ta muốn

giúp đỡ xã hội này, giúp họ lìa khổ được vui, phải bắt đầu thực hiện từ bản thân, phải nêu gương tốt cho người khác nhìn vào. Họ nhìn quý vị dăm ba năm chẳng tin, nhìn vào quý vị mười năm hay tám năm chẳng tin, nhưng nhìn quý vị hai chục, ba chục năm sẽ tin. Giúp đỡ người khác chẳng dễ dàng, lúc đầu hứng chịu hết mọi nổi cực nhọc, người ta không tin, hủy báng, khinh nhục, thậm chí hãm hại, quý vị đều phải chấp nhận, luôn nêu gương tốt. Gây cho ta khó khăn gì đi nữa, vẫn chẳng oán hận mảy may, mỗi ngày vẫn vui sướng. Vì sao? Quý vị tiếp xúc Phật, pháp hỷ sung mãn. Họ nhìn lâu ngày, khổ sở cũng chịu đựng chán chê rồi, vẫn phải tiếp tục chịu khổ, chúng ta tin tưởng rồi sẽ có ngày họ quay đầu, giác ngộ, biết lỗi, sám hối, cuối cùng hiểu rõ, người ấy được gọi là “đắc độ”. Do vậy, hiện thời độ hết thấy chúng sanh nhất định gặp khó khăn, tùy thuộc các Bồ Tát có thể chịu đựng hay không? Bồ Tát có thể chịu được; vì sao? Ngài vĩnh viễn trụ trong Trung Đạo, nên chẳng bị cảnh giới bên ngoài quấy nhiễu, nhất tâm niệm Phật hòng nâng cao cảnh giới của chính mình, nói theo người thế gian là tích tập vô lượng vô biên công đức. Bồ Tát không hưởng những công đức ấy, mà hồi hướng những công đức ấy cho hết thấy chúng sanh khổ nạn, giúp họ sớm có ngày giác ngộ, sớm có ngày quay đầu. Vì vậy, trì giới cũng có nghĩa là Ché Hạnh. Hạnh là hành vi, Ché là không ché, [Ché Hạnh là] không ché những tư tưởng và hành vi sai lầm của chúng ta. Đây là ý nghĩa trì giới.

Cuối cùng là vị thứ mười sáu: “*Giải Thoát, biểu diệt trừ kết phược, cổ danh Giải Thoát*” (Giải Thoát biểu thị trừ diệt kết phược, nên gọi là Giải Thoát). Kết (結) và Phược (縛) đều là những danh xưng khác của phiền não. Quý vị tạo tác nghiệp, bất luận thiện nghiệp hay ác nghiệp, những nghiệp ấy chưa gặp duyên, sẽ chẳng thể dấy lên hiện hành, nhưng chúng tồn tại, giống như thắt nút, chưa tháo ra. Vì thế, chúng ta hiểu rõ chân tướng sự thật này, cả đời phải giữ sao cho chẳng kết oán với bất cứ ai, điều này rất quan trọng. Kẻ khác kết oán với ta, ta chẳng kết oán với họ, sẽ chẳng có chuyện gì. “*Kết*” là phải cả hai phía thì mới kết được, một phía đã buông bỏ, sẽ chẳng thể thắt chặt. Đối phương kết, ta không kết! “*Phược*” cũng là danh xưng khác của phiền não, giống như dùng thừng trói chặt quý vị ở một chỗ, chẳng chừa quấy được. Trong ấy có thiện, có ác, nhưng thật ra đều là ác, lấy đâu ra thiện? Nhưng chúng sanh ngỡ đó là thiện, đây là gì? Tình chấp. Người thế gian nói tới ái tình, đó chính là một sợi thừng trói thít chặt quý vị nơi đó, chẳng chừa quấy được, đó là ái tình. Vì thế, phải thấy thấu suốt. Thấy thấu suốt sẽ giải thoát. Tháo nút buộc, cởi trói xong, quý vị được đại tự tại; do vậy, gọi là Giải Thoát Bồ Tát.

Tiếp đó, sách viết: “*Như kinh vân: Thân độ độ thoát, hoạch kỳ phước đức, khả đắc trường thọ Nê Hoàn chi đạo. Hựu, trị tư kinh giả, tùy ý sở nguyện, giai khả đắc độ*” (Như kinh nói: “*Riêng thân mình độ thoát, đạt được phước đức, có thể đắc đạo Nê Hoàn trường thọ*”, và “*kẻ gặp được kinh này, tùy ý mong muốn, đều được đắc độ*”). Trong kinh này có hai câu như vậy, biểu thị ý nghĩa này. Kinh này có công đức chẳng thể nghĩ bàn. “*Trị*” (值) là gặp gỡ. Chúng ta gặp bộ kinh Vô Lượng Thọ này, mỗi ngày tụng niệm, lại còn phải lý giải. Biết niệm nhưng không lý giải, hiệu quả chẳng lớn. Vừa biết niệm, vừa có thể hiểu, sẽ khởi tác dụng. Biến sự lý giải thành tư tưởng và kiến giải, biến các giáo huấn trong kinh thành hành vi trong cuộc sống của chúng ta, quý vị thật sự nhập kinh Vô Lượng Thọ, thật sự nhập cảnh giới Di Đà. Trong kinh này nói đến cảnh giới của A Di Đà Phật, nhập cảnh giới Tây Phương Cực Lạc thế giới từ chỗ nào? Từ hiện tại mà nhập, ngay trong giây phút

này chính là nó, tự và tha chẳng hai. “Tự” là hoàn cảnh cư trụ của chúng ta, Tha là Tây Phương Cực Lạc thế giới, là một, chẳng hai!

Vì thế, gặp gỡ kinh này, quả thật là tùy theo ý nguyện đều có thể đắc độ, nương theo lý luận, phương pháp, và cảnh giới trong kinh điển để tu hành, giữ lấy Tây Phương Cực Lạc thế giới, muốn khi nào đi bèn đi. Có người nóng lòng muốn đi, có thể thành công trong vài ngày hay không? Kinh Di Đà dạy “*nhược nhất nhật*”, một ngày bèn có thể thành tựu; “*nhược nhị nhật, nhược tam nhật*”, cuối cùng nói bảy ngày, “bảy” chẳng phải là [chỉ vòn vẹn] bảy ngày, mà “bảy” có ý nghĩa biểu thị pháp, tượng trưng cho viên mãn, có nghĩa là tùy ý, quý vị thích đi ngày nào bèn đi trong ngày ấy. “Bảy” mang ý nghĩa tùy ý, viên mãn, thích khi nào đi bèn đi khi ấy, muốn ở lại thế gian này thêm mấy năm nữa chẳng trở ngại gì! Vì sao? Ở lại thế gian này chẳng có chuyện gì khác, chỉ vì còn có những kẻ hữu duyên, ta trụ thêm vài ngày để dẫn bọn họ cùng đi, do chuyện này! Nếu không dẫn theo ai thì phải đi trong hiện tại, ở lại nơi đây để làm gì? Chẳng có mấy may ý nghĩa gì! Do vậy, hiểu đạo lý này, từ xưa tới nay, tai nạn là cộng nghiệp, mấy ngàn người hoặc mấy trăm người cùng chết sạch trong một trận tai nạn. Chúng ta không có Thiên Nhân, chẳng có Túc Mạng Thông, không biết chuyện là như thế nào, dường như tai nạn từ trên trời giáng xuống, và cũng thấy có những kẻ nào đáng chết, người nào chẳng đáng chết, thật sự có người tốt [bị chết bất ngờ trong tai nạn ấy]! Người tốt lẫn người xấu đều có, vì sao đều cùng nhau gặp nạn? Người có Thiên Nhân Thông và Túc Mạng Thông có thể thấy người tốt do [chết vì] tai nạn ấy bèn sanh lên trời. Trời già rất công bằng, kẻ ấy sanh lên thiên đường hưởng phước. Kẻ tạo tác ác nghiệp bèn đọa xuống, ngã quỷ, địa ngục, súc sanh. Cùng chết như nhau, nhưng sanh vào các chỗ khác nhau. Do vậy, người niệm Phật thời thời khắc khắc ghi nhớ A Di Đà Phật trong tâm, dầu là do cộng nghiệp phải tử vong lần này, người ấy sanh về thế giới Cực Lạc, quý vị mới thật sự nhìn thấy chân tướng sự thật.

“*Thân độc độ thoát, hoạch kỳ phước đức*” (thân riêng độ thoát, đạt được phước đức), phước đức ấy là phước đức trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng phải là phước đức trong nhân gian hay cõi trời. Vì thế, chúng ta tu phước, tốt nhất là chớ nên hưởng phước. Vì sao? Phước ấy có thể mang đi được. Chúng ta có tâm hưởng phước, sẽ chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi, vì sao? Phước báo trong nhân thiên. Hiện thời, phước báo trong nhân gian đã suy, tôi nghe nói phước báo cõi trời cũng chẳng bằng quá khứ. Chúng ta có thể tin tưởng điều này, vì sao? Cảnh chuyển theo tâm, cùng một đạo lý như vậy. Vì thế, có phước phải để cho người khác hưởng, chúng ta biết trong thế gian này còn có rất nhiều người có phước báo chẳng bằng chúng ta. Tuy chúng ta thiếu phước, vẫn đỡ hơn họ rất nhiều, phải nghĩ cách giúp họ, chiếu cố họ nhiều hơn một chút, đó là chuyện tốt đẹp. Nói chung, con người chịu khổ nạn một chút sẽ có lợi, tâm cảnh giác sẽ cao, chẳng còn lưu luyến thế gian này, quý vị nói có phải là trọng yếu lắm hay không? Nếu hưởng phước trong thế gian này, sẽ quên bằng thế giới Cực Lạc, “ở đây khá lắm!” Lưu luyến thế gian này, sẽ là chuyện hỏng bét. Vì thế, thà chịu khổ một tí, có tâm cảnh giác cao độ, quyết định cầu sanh thế giới Cực Lạc.

Câu cuối cùng: “*Nhi vi thượng thủ, biểu dĩ thượng thập lục Chánh Sĩ vi hội trung vô lượng vô biên, nhất thời lai tập chi tại gia Bồ Tát trung chi thượng thủ*” (Câu “nhi vi Thượng Thủ” (làm Thượng Thủ) biểu thị mười sáu vị Đại Sĩ là Thượng Thủ của vô lượng vô biên Bồ Tát tại gia cùng một lúc đến dự hội). Lão cư sĩ nói câu này hay lắm, “trong hội,

vô lượng vô biên tại gia Bồ Tát cùng một lúc đến nhóm họp” là thật, chẳng giả. Do vậy, đức Phật mở pháp hội này, nói bộ kinh này, chúng ta mắt thịt chỉ thấy loài người, ở đây nói là hơn một vạn hai ngàn người, đại hội mà! Chúng ta chẳng nhìn thấy các vị Bồ Tát từ mười phương thế giới vân tập, chư thiên đại chúng thuộc Dục Giới Thiên, Sắc Giới Thiên trong tam thiên đại thiên thế giới đều tới, đúng là vô lượng vô biên. Quý vị nói pháp hội này thù thắng lắm không? Trong nơi nhóm hội ấy, người tại gia đông đảo, hàng xuất gia cũng chẳng ít, nhưng tại gia đông hơn. Hơn nữa, ở đây tại gia học Phật và tại gia thành tựu là chủ yếu. “*Cứ Hội Sớ cập Chân Giải nghĩa*” (xét theo ý nghĩa được trình bày trong Hội Sớ và Chân Giải), ở đây nói đến vị thứ nhất, “*Phổ Hiền, Văn Thù chánh thị Thích Ca hội trung chi thượng thủ. Có cử lưỡng đại sĩ tổng nhiếp hội trung nhất thiết Bồ Tát*” (Phổ Hiền và Văn Thù đúng là thượng thủ trong hội của Phật Thích Ca. Vì thế, lấy hai vị đại sĩ để gồm trọn hết thấy các vị Bồ Tát trong hội). Vì Văn Thù và Phổ Hiền là trợ thủ của Thích Ca Mâu Ni Phật, tượng trưng trí huệ, Văn Thù tượng trưng trí huệ đệ nhất, Phổ Hiền tượng trưng tận lực thực hiện bậc nhất, người hiện thời nói là “*chân cán*” (thật sự làm), dùng hai chữ này cho mọi người dễ hiểu. Phổ Hiền tượng trưng cho “*chân cán*”. Hai vị Bồ Tát này đại diện thế giới Sa Bà, là thượng thủ trong pháp hội của Thích Ca Mâu Ni Phật, đại diện hết thấy Phật, Bồ Tát. Thứ hai, “*Di Lạc thị đương lai Hiền Kiếp thành Phật chư Bồ Tát chi thượng thủ*” (Di Lạc Bồ Tát là thượng thủ của các vị Bồ Tát sẽ thành Phật trong tương lai của Hiền Kiếp). Thích Ca Mâu Ni Phật là vị Phật thứ tư trong một ngàn vị Phật thuộc Hiền Kiếp, Di Lạc là thứ năm, từ nay về sau còn có chín trăm chín mươi lăm vị Phật, Di Lạc Bồ Tát đại diện cho những vị ấy, các vị ấy thấy đều tham dự pháp hội này. Điều này có dụng ý rất sâu, nói rõ một ngàn vị Phật xuất thế trong Hiền Kiếp, mỗi vị Phật cũng sẽ giảng kinh Vô Lượng Thọ, mỗi vị Phật đều đề xướng pháp môn Tịnh Độ, khuyên mọi người cầu sanh thế giới Cực Lạc hồng chứng đắc quả vị viên mãn rốt ráo trong một đời.

“*Hiền Hộ đẳng thập lục Chánh Sĩ thị hội trung cư gia Bồ Tát chi thượng thủ. Thử thuyết ổn thỏa*” (Mười sáu vị Chánh Sĩ thuộc nhóm Hiền Hộ là thượng thủ của các vị tại gia Bồ Tát trong hội, thuyết này ổn thỏa). Đây là hai vị đại đức trong quá khứ của Nhật Bản đã tổng kết đoạn kinh văn này. Cụ Hoàng Niệm Tổ khẳng định thuyết ấy rất thỏa đáng, nói rất viên mãn. Quý vị thấy trong phần tổng kết, cụ chọn thuyết của hai vị pháp sư Nhật Bản trong Hội Sớ và Chân Giải. “*Có bất thái Tịnh Ảnh chi thuyết*” (nên chẳng lấy thuyết của ngài Tịnh Ảnh), Tịnh Ảnh Sớ là chú giải [kinh Vô Lượng Thọ] của người Trung Quốc. Chú giải của Trung Quốc chỉ có hai loại. Trong ấy nói như thế nào? “*Bi tương Văn Thù, Phổ Hiền diệc tịnh u Hiền Kiếp thành Phật chi Bồ Tát trung*” (Tịnh Ảnh Sớ xếp Văn Thù và Phổ Hiền vào số các vị Bồ Tát sẽ thành Phật trong Hiền Kiếp), sai mất rồi! Quý vị thấy đại đức Nhật Bản đã tách rời Văn Thù và Phổ Hiền ra [khỏi các vị Bồ Tát sẽ thành Phật trong Hiền Kiếp], họ là đại biểu của đức Thế Tôn trong hội này. Khi đem so [thuyết của Tịnh Ảnh Sớ] với [cách nói của] hai vị pháp sư Nhật Bản, thuyết của hai vị pháp sư Nhật Bản rất hay, hay hơn thuyết của Tịnh Ảnh Sớ. Chúng ta xem chú sớ của cổ đại đức phải rất thận trọng, phải lắng lòng, dùng trí huệ chân thật để lý giải, thấu hiểu. Sau khi hiểu ý nghĩa rõ ràng, sẽ biết chúng ta nên làm như thế nào, thực hiện trong cuộc sống hằng ngày, công việc, xử sự, đãi người, tiếp vật. Kinh Vô Lượng Thọ là sống động, người hiện thời gọi [cách vận dụng này] là vận dụng sống động, chẳng phải là mê tín. Đức hiệu của mỗi vị Bồ Tát biểu thị điều gì? Tu đức. Danh hiệu Phật biểu thị quả đức, chẳng lìa rời tự tánh. Trong giáo pháp Đại Thừa, tổ sư đại đức thường dạy chúng ta xứng tánh khởi tu, danh hiệu Bồ

Tát là xứng tánh. Trong Phật giáo Trung Quốc, Phật giáo Trung Quốc là Đại Thừa, lấy tứ đại Bồ Tát làm tổng đại biểu, chớ nên không biết điều này!

Vị thứ nhất, Cửu Hoa Sơn Địa Tạng Bồ Tát đại biểu sự hiểu thân tôn sư. Vị thứ hai là Phổ Đà Sơn Quán Thế Âm Bồ Tát, đại biểu đại từ đại bi, mắt đến tận tay³, cứu độ hết thảy chúng sanh khổ nạn, từ bi cứu giúp thế giới. Vị thứ ba, Ngũ Đài Sơn Văn Thù Bồ Tát, đại biểu trí huệ. Hiểu thân tôn sư, đại từ đại bi, phổ độ chúng sanh đều phải cậy vào trí huệ. Không có trí huệ, sẽ bị biến chất. Nhà Phật thường nói: “*Từ bi lắm họa hại, phương tiện thành hạ lưu*”. Vốn sẵn từ bi, phương tiện là độ chúng sanh, “*từ bi là gốc, phương tiện làm cửa*”, vì sao từ bi trở thành họa hại, phương tiện trở thành hạ lưu? Thiếu trí huệ! Phải nhờ vào trí huệ [mới tránh khỏi những khuyết điểm ấy]. Phổ Hiền, Nga Mi Sơn Phổ Hiền đại biểu “thật sự làm”, nói kiểu này mọi người sẽ thấy dễ hiểu! Chẳng giả, thật sự, thật sự thực hiện “hiểu thân tôn sư, từ bi cứu vớt thế giới”, đó là Phổ Hiền, dùng bốn vị đại Bồ Tát này để biểu pháp. “*Triều sơn*” (lên núi chiêm bái) là triều (hướng về, châu hầu về) điều gì? Hiểu bốn ý nghĩa này, thật sự làm được, tức là đã triều toàn bộ [bốn ngọn danh sơn]. Nếu chẳng hiểu, quý vị đến bốn quả núi lễ bái Bồ Tát nứt toác cả đầu vẫn uổng công, điều gì cũng chẳng đạt được! Phải hiểu rõ ràng, minh bạch lý này, tứ đại Bồ Tát tượng trưng cho Tu Đức, Thích Ca Mâu Ni Phật tượng trưng cho Tánh Đức. Thích Ca Mâu Ni, năng nhân, tịch mặc là Tánh Đức, năng nhân là nhân từ, tịch mặc là thanh tịnh, tâm địa thanh tịnh, tiếp độ chúng sanh nhân từ, còn Bồ Tát tượng trưng cho phương pháp cụ thể [để thực hiện những điều đó], mê tín ở chỗ nào? Nhà Phật bài trừ mê tín, lấy đâu ra mê tín? Các đồng học chúng ta cùng nhau học tập, đúng là phải lý giải, phải hiểu rõ, phải thật sự làm, đưa Phật giáo trở về giáo học. Chúng ta thật sự làm chuyện tốt đẹp, chẳng khiến cho Thích Ca Mâu Ni Phật thất vọng, xứng đáng sự truyền thừa của lịch đại tổ sư. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này.

³ Hình tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Âm có ngàn cánh tay, giữa mỗi bàn tay có một con mắt.